

I. Giới thiệu chung về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRIBANK)

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) được thành lập theo Nghị định số 53-HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)

Agribank có gần 2.300 chi nhánh, phòng giao dịch có mặt khắp mọi vùng, miền, là NHTM duy nhất có mặt tại 9/13 huyện đảo, gần 40.000 cán bộ, người lao động. Đến 31/12/2020, tổng tài sản đạt trên 1,57 triệu tỷ đồng; nguồn vốn đạt trên 1,45 triệu tỷ đồng; tổng dư nợ cho vay nền kinh tế đạt trên 1,21 triệu tỷ đồng, trong đó gần 70% dư nợ dành cho đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Sau 33 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay, Agribank là NHTM Nhà nước hàng đầu Việt Nam trên mọi phương diện, là NHTM duy nhất Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Là một trong các ngân hàng thương mại nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, Agribank luôn phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của một Ngân hàng thương mại Nhà nước trong việc dẫn dắt hệ thống các tổ chức tín dụng thực thi nghiêm túc, có hiệu quả chính sách tiền tệ quốc gia và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về tiền tệ, ngân hàng, nhất là chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Agribank đang triển khai hiệu quả 07 chương trình tín dụng chính sách (Cho vay theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Cho vay hộ gia đình, cá nhân thông qua Tổ vay vốn/tổ liên kết; Cho vay theo chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Cho vay gia súc, gia cầm; Cho vay tái canh cà phê; Cho vay chính sách phát triển thủy sản; Tín dụng ưu đãi phục vụ “Nông nghiệp sạch”) và 02 Chương trình mục tiêu Quốc gia (xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững).

Trải qua 33 năm xây dựng và trưởng thành, Agribank duy trì được sự tăng trưởng ổn định cả về quy mô, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả hoạt động. Nhiều năm liên tiếp, Agribank nằm trong Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đạt nhiều giải thưởng

do các tổ chức quốc tế trao tặng. Đặc biệt, đúng vào dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập 26/3/2018, Agribank vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất – phần thưởng cao quý nhất của Đảng, Nhà nước Việt Nam dành cho tập thể có công lao đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới.

Năm 2020, Agribank tiếp tục được khẳng định là Quán quân các NHTM được vinh danh vị trí thứ 8 trong Bảng xếp hạng VNR500; được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's công bố mức xếp hạng của Agribank là Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất đối với các NHTM ở Việt Nam. Agribank tiếp tục đạt giải thưởng Ngân hàng vì cộng đồng 2020 vì những đóng góp tích cực hỗ trợ cộng đồng qua các chương trình tín dụng chính sách, các hoạt động an sinh xã hội... Ngoài ra, ngân hàng tự động Agribank AutoBank CDM 24/7 cũng đã xuất sắc đạt giải thưởng Sao Khuê cho phần mềm/hệ thống xuất sắc nhất trong lĩnh vực Ngân hàng – Tài chính năm 2020.

II. Quy trình tuyển dụng và thi tuyển của Ngân hàng Agribank

2.1. VÒNG 1 – NỘP HỒ SƠ

2.1.1. Tiêu chí hồ sơ

a. Các vị trí mà Agribank thường xuyên tuyển ở các đợt tuyển tập trung

- Tín dụng
- Kế toán
- Thủ quỹ, kiểm ngân
- Pháp chế
- Thanh toán quốc tế

b. Yêu cầu bộ hồ sơ

• Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển có dán ảnh (theo mẫu của Agribank); Ứng viên được phép đăng ký 2 nguyện vọng
- Sơ yếu lý lịch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ

- Bản sao văn bằng, bằng điểm (phục lục văn bằng), chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển
- Bản sao chứng minh nhân dân/ căn cước công dân
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển
- Giấy tờ khác (nếu có)

Note: Những giấy tờ khác thường là những giấy tờ yêu cầu chứng minh kinh nghiệm là việc tại ngân hàng nếu là ứng viên đã có kinh nghiệm, những khen thưởng mà người nộp hồ sơ đạt được trong quá trình học tập và công tác, có một số chi nhánh sẽ yêu cầu nộp cả giấy khai sinh,... nên để không bị gấp trong việc bổ sung hồ sơ ứng viên nên đi nộp hồ sơ sớm tránh việc cuối giờ của ngày hết hạn hồ sơ mới đi nộp thì bổ sung không kịp

Lưu ý:

- Các ứng viên đăng ký nguyện vọng chính xác vị trí tuyển dụng, địa điểm làm việc để nộp hồ sơ dự tuyển tại Chi nhánh theo đúng thông báo của Agribank.
- Mỗi ứng viên chỉ nộp hồ sơ vào 01 vị trí tại một Chi nhánh loại I trong đợt tuyển dụng tập trung (trường hợp ứng viên nộp đồng thời 02 Chi nhánh loại I hoặc đăng ký nguyện vọng tại Chi nhánh loại I này nhưng nộp hồ sơ tại Chi nhánh loại I khác, Agribank được quyền loại hồ sơ thí sinh ra khỏi đợt tuyển dụng này).
- Agribank không nhận: hồ sơ nộp hộ, hồ sơ nộp quá hạn, hồ sơ của ứng viên đã vi phạm Nội quy thi tuyển những năm trước đây.
- Ứng viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ tuyển dụng. Trường hợp Agribank phát hiện hồ sơ đăng ký dự thi không chính xác, không trung thực, kết quả thi tuyển của ứng viên sẽ bị hủy bỏ.

- **Điều kiện tiêu chuẩn của ứng viên**

- **Về trình độ đào tạo:**

+ **Đối với vị trí chuyên môn nghiệp vụ (tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế, pháp chế):** Yêu cầu tốt nghiệp từ Đại học trở lên, hệ chính quy (**không bao gồm ứng viên tốt**

ng nghiệp hệ liên thông lên đại học), chuyên ngành phù hợp với vị trí dự tuyển (Tài chính ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế, Thanh toán quốc tế, Quản trị kinh doanh, Luật,...).

+ Đối với ứng viên dự tuyển vị trí thủ quỹ, kiểm ngân và ứng viên dự tuyển vào Chi nhánh tại các huyện 30a, miền núi, biên giới, hải đảo: Tối thiểu tốt nghiệp trung cấp, hệ chính quy, chuyên ngành phù hợp (tài chính ngân hàng, kế toán, kinh tế,...); có cam kết làm việc lâu dài tại đơn vị ít nhất 5 năm nếu được tuyển dụng.

- Về trình độ ngoại ngữ, tin học:

Chi nhánh thành phố:

+ Ứng viên dưới 30 tuổi: Bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, Trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ (CEFR), IELTS 4.0, TOEIC 450, TOEFL PBT 450, TOEFL CBT 126, TOEFL IBT 42, TOEFL ITP 450, Cambridge Tests 45 FCE/65 PET/90 KET

+ Ứng viên trên 30 tuổi: Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, Trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ (CEFR), IELTS 3.0, TOEIC 400, TOEFL PBT 340, TOEFL CBT 96, TOEFL IBT 31, TOEFL ITP 337, Cambridge Tests 45 PET/90 KET

+ Vị trí Thanh toán quốc tế: IELTS 5.0, TOEFL ITP 500, TOEFL iBT 61, TOEIC 600, Cambridge Tests 600 FCE – 80 PET.

Chi nhánh khác:

Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu bậc 2 (khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam), A2 (khung tham chiếu Châu Âu), IELTS 3.0, TOEIC 400, TOEFL PBT 340, TOEFL IBT 31, TOEFL ITP 337.

Note: Đối với những ứng viên chưa có đủ chứng chỉ tiếng Anh và chứng chỉ tin học vẫn có thể nộp qua hồ sơ vì có một số chi nhánh linh hoạt cho ứng viên nộp chứng chỉ

và bổ sung sau khi thi đỗ. Nên các bạn hãy cứ mang hồ sơ đến nộp trực tiếp, nếu chi nhánh nhận thì chắc chắn sẽ qua hồ sơ.

- **Về lý lịch:** Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án, bị phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại địa phương hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục....
- **Về độ tuổi:** **không quá 35 tuổi**, một số trường hợp cần thu hút lao động giỏi (có kinh nghiệm thực tế hoặc trình độ đào tạo đạt loại giỏi, xuất sắc đúng chuyên ngành tại các trường đại học,...) thì không quá 40 tuổi.
- **Về chiều cao và tình trạng sức khỏe :** **Nam cao từ 1,60m trở lên, nữ cao từ 1,50m trở lên**; Có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc, sau khi trúng tuyển phải thực hiện khám sức khỏe theo yêu cầu của Agribank.

2.2.2. Địa điểm nộp hồ sơ

Ứng viên nộp hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ chi nhánh loại I có chi tiêu trong danh sách các chi nhánh tuyển dụng. Nộp trong giờ làm việc của các ngày nhận hồ sơ (Sáng từ 8h – 11h30; Chiều từ 13h30 – 17h) trừ các ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ.

2.2. VÒNG 2 – BÀI KIỂM TRA CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

Hình thức thi: Thi tự luận, làm bài thi viết trên giấy

Đề thi: Chỉ thi nghiệp vụ, không thi môn tin học (môn tin học Agribank đã không cho thi 5 năm rồi); Vị trí nào thi đề nghiệp vụ của vị trí đó, không chung đề.

2.2.1. Văn bản pháp luật chung (Dùng cho cả vị trí tín dụng và kế toán)

a. Luật các tổ chức tín dụng:

[Luật tổ chức tín dụng hợp nhất](#)

Học chương 1, Chương 2, Chương 6

Ví dụ:

1. Theo luật tổ chức tín dụng 2010, Tổ chức tín dụng gồm các loại hình nào?
2. Người điều hành tổ chức tín dụng gồm những ai?
3. Theo quy định của luật TCTD 2010, Vốn tự có gồm?
4. Vốn pháp định là gì?

5. Tổ chức tín dụng không được phép cấp tín dụng cho các mục đích nào?

b. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro

Thông tư 11/2021/TT-NHNN

Học về quy định về phân loại nợ, CIC, trích lập dự phòng rủi ro, nợ được phân loại vào nhóm có rủi ro thấp hơn

Ví dụ:

1. Theo chuẩn mực chung của quốc tế thì các khoản nợ của NHTM được phân loại thành những loại chủ yếu nào
2. Có mấy nhóm nợ và cách phân loại nhóm nợ?
3. Dự phòng chung và dự phòng cụ thể được trích như thế nào?

2.2.2. Môn thi Tín dụng

a. Tài chính doanh nghiệp

Chỉ học 3 loại báo cáo tài chính là: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ

• **Bảng cân đối kế toán**

- Ý nghĩa của Tài sản & Nguồn vốn
- Phân biệt các khoản mục trong bảng cân đối kế toán (tiền và tương đương tiền, hàng tồn kho, LIFO, FIFO)
- Tính vốn lưu động ròng, nhu cầu vốn lưu động, ngân quỹ ròng thông qua công thức liên quan đến ngân quỹ có/nợ; tài sản/nợ kinh doanh; tài sản/nguồn vốn dài hạn từ đó rút ra được tình trạng của doanh nghiệp

Ví dụ:

1. Doanh nghiệp X gửi báo cáo tài chính đến ngân hàng với các dữ liệu sau:

Tiền: 22 tỷ đồng

Các khoản phải thu 105 tỷ đồng

Hàng tồn kho 175 tỷ đồng

Tài sản lưu động khác 14,5 tỷ đồng

Tổng nguyên giá TSCĐ 500 tỷ đồng trong đó khấu hao tài sản cố định tích lũy là 71,5 tỷ

Vốn chủ sở hữu: 289,8 tỷ đồng

Tính khác khoản nợ của doanh nghiệp X ?

2. Theo báo cáo tài chính của 1 doanh nghiệp năm 2016 có số liệu sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
Tổng tài sản	358.881
Giá trị các khoản phải thu	91.112
Tài sản cố định (TS dài hạn)	85.558
Vốn chủ sở hữu	50.212
Nợ ngắn hạn	254.756

Tính vốn lưu động ròng năm 2016 của công ty và đưa ra nhận xét.

• Báo cáo kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Chiết khấu, Giảm giá hàng bán..)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($3 = 1 - 2$)
4. Giá vốn hàng bán (bị ảnh hưởng bởi các phương pháp xác định giá trị HTK)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($5 = 3 - 4$)
6. Doanh thu hoạt động tài chính
7. Chi phí tài chính
- Trong đó: Chi phí lãi vay
8. Chi phí bán hàng
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { $10 = 5 + (6 - 7) - (8 + 9)$ }
11. Thu nhập khác
12. Chi phí khác
13. Lợi nhuận khác ($13 = 11 - 12$)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ($14 = 10 + 13$)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ($17 = 14 - 15 - 16$)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS – Earnings Per Share)

Ví dụ:

1. Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh được xác định bằng?

- A. Lợi nhuận gộp + doanh thu từ hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động kinh doanh
- B. Doanh thu thuần – Giá vốn + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí HĐKD
- C. Doanh thu hoạt động tài chính + Doanh thu HĐKD – Chi phí hoạt động kinh doanh
- D. Doanh thu thuần + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động kinh doanh

2. Trong các nhân tố sau, nhân tố nào không tác động trực tiếp đến lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh?

- A. Giá vốn hàng bán
- B. Doanh thu thuần
- C. Doanh thu tài chính
- D. Thu nhập khác

• **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- Phân biệt các dòng tiền của doanh nghiệp: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh; Dòng tiền từ hoạt động tài chính; Dòng tiền từ hoạt động đầu tư.
- Những hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng đến các dòng tiền.

Ví dụ:

1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành được phản ánh vào luồng tiền nào trên BCTCTT

- A. Hoạt động đầu tư
- B. Hoạt động kinh doanh
- C. Hoạt động tài chính
- D. Hoạt động sản xuất

2. Báo cáo tài chính nào sau đây được lập trên cơ sở sử dụng nguyên tắc tiền mặt ?

- A. Báo cáo kết quả kinh doanh
- B. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- C. Bảng cân đối kế toán
- D. Thuyết minh báo cáo tài chính

3. Chỉ ra nguyên nhân có thể khiến chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính trong kỳ của doanh nghiệp là một số âm:

- A. Doanh nghiệp đã chi một lượng tiền lớn để mua sắm TSCĐ
- B. Doanh nghiệp đã chi một lượng tiền lớn để trả gốc vay
- C. Doanh nghiệp đã chi một lượng tiền lớn để góp vốn vào đơn vị khác
- D. Doanh nghiệp đã chi một lượng tiền lớn để trả lãi tiền vay

• **Các chỉ số tài chính**

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán và ý nghĩa của chúng (hệ số khả năng thanh toán hiện hành; hệ số khả năng thanh toán nhanh; hệ số khả năng thanh toán lãi vay; hệ số khả năng thanh toán tức thời)
- Nhóm chỉ số phản ánh cơ cấu vốn và ý nghĩa (Hệ số tự tài trợ; hệ số nợ trên VCSH)
- Nhóm chỉ số khả năng hoạt động và ý nghĩa (Vòng quay hàng tồn kho; Kỳ dự trữ bình quân; Vòng quay các khoản phải thu; Kỳ thu tiền bình quân; Vòng quay vốn lưu động)
- Nhóm chỉ số khả năng sinh lời và ý nghĩa (ROS; ROA, ROE; BEP; Phương trình Dupont)

Ví dụ:

1. Ngày 20/12/20X1, một Doanh nghiệp nộp hồ sơ vay bổ sung VLD cho năm 20X2. Phương án kinh doanh năm 20X2 như sau: Doanh thu 1.200 trđ, chi phí sản xuất 1.000 trđ, trong đó Khấu hao là 200 trđ, số vòng quay Vốn lưu động trong năm 20X2 là 4 vòng. Hãy tính lượng vốn lưu động cần thiết của Doanh nghiệp trên trong năm 20X2.
2. Ngày 20/12/20X1, một Doanh nghiệp nộp hồ sơ vay bổ sung VLD cho năm 20X2. Phương án kinh doanh năm 20X2 như sau: Doanh thu 2.000 trđ, chi phí sản xuất 1.700 trđ, trong đó Khấu hao là 500 trđ, thời gian một vòng quay VLD của công ty trong năm 20X1 là 30 ngày, và trong năm 20X2 sẽ tăng lên thành 40 ngày. Hãy tính lượng vốn lưu động cần thiết của Doanh nghiệp trên trong năm 20X2 (một năm có 360 ngày).

3. Xác định Doanh thu thuần năm N của Doanh nghiệp biết các số liệu sau: Tại thời điểm 31/12/N, Tổng tài sản là 600 tỷ, tăng 20% so với năm trước, tỷ lệ tài sản lưu động cố định là 40% tổng tài sản, Vòng quay Vốn lưu động năm N là 3 vòng/năm

b. Tài trợ dự án

• **Quy đổi dòng tiền:**

- Công thức tính lãi đơn và lãi kép, cách quy đổi dòng tiền về hiện tại và tương lai đối với dòng tiền đơn lẻ và dòng tiền đều

Ví dụ:

1. Một người có tiền độ bỏ vốn đầu tư như sau: Cuối quý I đầu tư 60 triệu, sau 2 quý nữa đầu tư 30 triệu, sau 3 quý nữa tiếp theo bỏ ra 40 triệu, $r = 1.25\%/quý$. Sau 2 năm kể từ khi đầu tư, giá trị các khoản tiền này là bao nhiêu?

2. Một dự án đầu tư có tiền độ Vốn đầu tư như sau:

- Năm 2000: 1 tỷ

- Năm 2001: 1.5 tỷ

- Năm 2002: 1.5 tỷ

- Năm 2003: 1 tỷ

Số vốn này là đi vay đầu các năm, lãi suất đi vay là 10%/năm. Cuối năm 2004 bắt đầu sản xuất. Hỏi cho đến khi bắt đầu sản xuất, tổng số tiền đã vay để đầu tư là bao nhiêu?

3. Một Doanh nghiệp mua thiết bị theo phương thức trả chậm như sau:

- Giao máy đầu năm thứ 1

- Cuối năm thứ 1 trả 200 triệu

- Cuối năm thứ 2 trả 300 triệu

- Cuối năm thứ 3 trả 500 triệu

Lãi suất trả chậm $r = 15\%/năm$. Vậy nếu mua trả ngay thì hết bao nhiêu tiền?

• **Thẩm định tài trợ dự án**

- Các chỉ số đánh giá năng lực dự án: Tính NCFi, NPV, IRR, PI, thời gian hoàn vốn, WACC...

Ví dụ:

1. Có thông tin sau về một dự án đầu tư. Tổng vốn đầu tư của dự án là 150, trong đó dự án vay ngân hàng là 90, lãi suất vay là 12%/năm, chủ đầu tư của dự án mong muốn một tỷ suất sinh lời là 22%/năm, thuế suất thuế thu nhập công ty là 20%. Hãy tính chi phí sử dụng vốn bình quân của dự án trên

2. Bệnh viện Hồng Bàng mua một hệ thống thiết bị giặt là quần áo bệnh viện. Thiết bị được bên bán cho phép trả chậm như sau:

- Đợt 1 vào cuối năm thứ 1: 300 triệu

- Đợt 2 vào cuối năm thứ 2: 210 triệu

- Đợt 3 vào cuối năm thứ 3: 150 triệu

Chi phí hàng năm cho việc vận hành thiết bị là 200 triệu. Doanh thu hàng năm dự tính là 400 triệu đồng.

Thời gian hoạt động của thiết bị là 7 năm. Dự tính thiết bị chưa khấu hao hết, giá trị còn lại là 100 triệu, giá trị thanh lý thiết bị là 120 triệu. Dự án áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, thuế suất thuế TNDN là 28%, $r=18\%/năm$.

Tính NPV và IRR của Dự án?

c. Cho vay

[Thông tư 36/2016/TT-NHNN](#)

- Đối tượng được vay vốn tại Ngân hàng
- Thời gian vay vốn là gì và cách tính thời gian vay vốn, thời gian ân hạn nợ,... (những khái niệm cơ bản về cho vay)
- Phân biệt các loại hình cho vay và phương thức cho vay (đề thi của Agribank tập trung vào phương thức cho vay từng lần và cho vay theo hạn mức tín dụng)

Ví dụ:

1. Công ty A có hợp đồng xuất khẩu có giá trị 1,2 tỷ. Để thực hiện Hợp đồng trên, Công ty phải tiến hành mua nguyên vật liệu & chi phí đầu vào như sau:

- Mua vật tư: 600 triệu
- Chi phí nhân công trực tiếp: 150 triệu
- Chi phí bằng tiền khác: 50 triệu
- Khấu hao: 200 triệu

- Vốn tự có: 300 triệu

Công ty lập hồ sơ xin Agribank cấp 700 triệu (cho vay theo món). Mọi giấy tờ Agribank kiểm tra hợp lý. Biết Khách hàng có 1 TSĐĐ trị giá 1,2 tỷ. Mức cho vay so với TSĐĐ của NH là 70% Giá trị TSĐĐ. Tính mức cho vay hợp lý.

2. Công ty kinh doanh nông sản Trameco trình hồ sơ kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng B như sau:

Kế hoạch năm 2016:

- Sản lượng thóc thu mua trên thị trường cả năm: 1.200.000 tấn
- Giá thu mua bình quân năm: 2.600.000đ/tấn
- Chi phí vận chuyển bốc dỡ: 100.000đ/tấn
- Chi phí khác: 10.000đ/tấn

Tình hình nguồn vốn của công ty đến 31/12/2015

- VLD ròng: 220 tỷ
- Số dư các quỹ: 178 tỷ
- Lợi nhuận chưa phân phối: 82 tỷ
- Dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng B: 215 tỷ

Vòng quay VLD năm 2015 đạt 4 vòng/năm. Năm 2016 phấn đấu tăng tốc độ luân chuyển VLD là 5%.

Yêu cầu:

- Tính dự kiến nhu cầu VLD cho công ty trong năm 2016.
- Dự kiến HMTD cho công ty năm 2016. Biết rằng Vốn tự có của Ngân hàng B là 12.000 tỷ, Giới hạn cấp Tín dụng của Ngân hàng B cho 1 Khách hàng không vượt quá 15% Vốn tự có.
- Số tiền còn lại công ty được ngân hàng B cho phép giải ngân là bao nhiêu?

d. Tài sản bảo đảm

Bộ luật dân sự 2015

Nghị định 21/2021 quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

- Phân loại tài sản bảo đảm và phương thức bảo đảm
- Phân biệt hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp

- Các trường hợp bắt buộc/không bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm

Ví dụ:

1. Tại sao khi cho vay cần có bảo đảm tín dụng? Nêu các hình thức bảo đảm tín dụng? Bảo đảm tín dụng có phải là mục tiêu cho vay của ngân hàng không? Tại sao?
2. Trình bày nội dung về hiệu lực Biện pháp bảo đảm?
3. Đăng ký biện pháp bảo đảm là gì? Các biện pháp bảo đảm nào là phải đăng ký và biện pháp bảo đảm nào là đăng ký khi có yêu cầu?

e. Bảo lãnh

[Thông tư 11/2022/TT-NHNN Quy định về bảo lãnh Ngân hàng](#)

- Khái niệm về bảo lãnh
- Đối tượng cấp bảo lãnh
- Quy trình cấp bảo lãnh
- Phân loại bảo lãnh

2.3. VÒNG 3 – PHỎNG VẤN

2.3.1. Hiểu biết về Agribank

- Định hướng và phát triển
- Hoạt động nổi bật
- Giải thưởng
- Bộ máy lãnh đạo

Tham khảo [trang thông tin về Agribank](#) và kênh Youtube [Agribank News](#)

2.3.2. Hiểu biết sản phẩm

Danh mục sản phẩm của Agribank

- [Khánh hàng cá nhân](#)
- [Khách hàng doanh nghiệp](#)

hiểu biết về vị trí ứng tuyển

- [Kế toán/Giao dịch viên](#)
- [Tín dụng/QHKH](#)

2.3.3. Hiểu biết xã hội

Tìm hiểu về địa phương nơi mà chi nhánh hoạt động, phân bố dân cư, khách hàng, đối thủ cạnh tranh

Tìm hiểu về chính sách mà Agribank đang hỗ trợ người dân

Hiểu biết về các cán bộ cấp cao ở tỉnh mà chi nhánh hoạt động

2.3.4. Kinh nghiệm và quan điểm làm việc

Thường là những câu hỏi tự do về các công việc cũ, kỹ năng làm việc đối với ứng viên là người đi làm, còn đối với sinh viên mới ra trường sẽ hỏi về hoạt động ở trường và khi còn đi học.